

Bản án số: **20/2018/DS-ST**

Ngày: 15-11-2018

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành;

2. Ông Phạm Xuân Đỉnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh- Cán bộ tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 132/TLST-DS ngày 10/8/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐXX-ST ngày 26/10/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng A, địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Thông, chức vụ: Giám đốc (*Theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số: 510/QĐ HĐTV – PC ngày 19/6/2014*)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Thanh L, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (*Theo giấy ủy quyền số: 02/UQ – NHCT ngày 02/01/2017*). (Có đơn xin vắng mặt)

2. ***Bị đơn:*** Bà Thị S, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.(có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Điều Ngh, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 4, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; (Có đơn xin vắng mặt)

3.2. Bà Thị H, sinh năm 1966, Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; (Có đơn xin vắng mặt)

3.3. Ông Điều D, sinh năm 1964, Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; (Có đơn xin vắng mặt)

3.4. Ông Điều Ngia, sinh năm 1984, Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Lê Thanh L trình bày:

Ngày 22/8/2013, Ngân hàng A Chi nhánh huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước có cho Bà Thị S vay số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tại Hợp đồng Tín dụng số: 5610LAV201302145/HĐTD, thời hạn vay là 12 tháng, tức đến ngày 22/8/2014 hết hạn. Lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi quá hạn là 17,25%/năm. Ngân hàng cho Bà Thị S vay theo hình thức sổ vay vốn của Ngân hàng, vay tín chấp nhưng để đảm bảo cho Bà Thị S thực hiện đúng cam kết trả nợ vay khi đến hạn, Bà Thị S có giao cho Ngân hàng giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 350335 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2016 đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.882,4m² đất tại ấp 02, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Thị Á.

Quá hạn nhưng Bà Thị S vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Bà Thị S trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 29.631.667 đồng.

Khi Bà Thị S trả xong nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho Bà Thị S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 350335 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2016 đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.882,4m² đất tại ấp 02, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Thị Á.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Bà Thị S trình bày:

Bà Thị S thừa nhận ngày 22/8/2013 có vay của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 12 tháng. Bà Thị S có giao cho Ngân hàng giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 350335 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2016 cho bà Thị Á (là mẹ của Bà Thị S). Số tiền vay của Ngân hàng Bà Thị S dùng vào mục đích sửa chữa nhà, khi vay tiền thì chồng bà Sương là ông Điều Ngbiệt và cũng thống nhất vợ chồng cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khi đến hạn. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên Bà Thị S chưa có tiền trả cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Bà Thị S phải trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký, Bà Thị S thống nhất cùng chồng là ông Điều Ngó nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ gốc và tiền

lãi theo yêu cầu nhưng do kinh tế gia đình khó khăn, Bà Thị S xin trả dần tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Khi trả xong nợ cho Ngân hàng, Bà Thị S yêu cầu Ngân hàng trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 350335 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2016 cho bà Thị Á.

Bà Thị Á chết năm 2014, bà Áy chết không để lại di chúc định đoạt đối với thửa đất ngân hàng đang giữ giấy CNQSD đất. Hiện hàng thừa kế thứ nhất của bà Thị Á có các con gồm: Bà Thị H, Ông Điều Ngh, ông Điều D và Bà Thị S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Điều Ngh trình bày:

Ông Nghinh là anh của Bà Thị S, con ruột của bà Thị Á. Bà Thị Á chết năm 2014 không để lại di chúc, do khi còn sống mẹ ở chung với em gái là Thị Snên mẹ ủy quyền cho em gái dùng giấy chứng nhận thửa đất đứng tên bà Thị Á để vay tiền. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Bà Thị S phải trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn bà Sương đã ký, Ông Điều Ngh không có ý kiến, khi Bà Thị S trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ông Điều Ngh đồng ý để Bà Thị S nhận lại giấy chứng nhận thửa đất đứng tên bà Thị Á. Ông Điều Ngh có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều D trình bày:

Ông Dinh là anh của Bà Thị S, con ruột của bà Thị Á. Bà Thị Á chết năm 2014 không để lại di chúc, do khi còn sống mẹ ở chung với em gái là Thị Snên mẹ ủy quyền cho em gái dùng giấy chứng nhận thửa đất đứng tên bà Thị Á để vay tiền. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Bà Thị S phải trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn bà Sương đã ký, ông Điều D không có ý kiến, khi Bà Thị S trả xong nợ cho Ngân hàng thì ông Điều D đồng ý để Bà Thị S nhận lại giấy chứng nhận thửa đất đứng tên bà Thị Á. Ông Điều D có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Thị H trình bày:

Bà Thị H là chị ruột của Bà Thị S, con ruột của bà Thị Á. Bà Thị Á chết năm 2014 không để lại di chúc, do khi còn sống mẹ ở chung với em gái là Thị Snên mẹ ủy quyền cho em gái dùng giấy chứng nhận thửa đất đứng tên bà Thị Á để vay tiền. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Bà Thị S phải trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn bà Sương đã ký, Bà Thị H không có ý kiến, khi Bà Thị S trả xong nợ cho Ngân hàng thì Bà Thị H đồng ý để Bà Thị S nhận lại giấy chứng nhận thửa đất đứng tên bà Thị Á. Bà Thị H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Ng trình bày:

Ông Điều N là chồng của Bà Thị S, ngày 22/8/2013 Bà Thị S vay tiền Ngân hàng để sửa chữa nhà ông Ngia có biết. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Bà Thị S phải trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn

bà Sương đã ký, ông Điều Ng đồng ý cùng Bà Thị S trả số nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng bà Sương đã ký với Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, đồng thời có cung cấp bảng tính tiền gốc và lãi chi tiết của Ngân hàng đối với bị đơn tính đến ngày 15/11/2018, 01 đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/11/2018 trong đó xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng vì bị đơn đã trả vào ngày 15/11/2018.

- Bị đơn Bà Thị S nộp 01 chứng từ giao dịch của Ngân hàng A đề ngày 15/11/2018 thể hiện Bà Thị S đã trả được 4.000.000 đồng nợ gốc ngày 15/11/2018.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Ng có mặt đồng ý cùng Bà Thị S trả số nợ gốc còn lại và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng, vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 318, 372, 471 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại Điều 388 và Điều 715 Bộ luật dân sự 2005 do Ngân hàng A đứng đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Bà Thị S, địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Lê Thanh L vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn Bà Thị S có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Ng có mặt, ông Điều

Dinh, Ông Điều Ngh và Bà Thị H vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó, căn cứ tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.4]. Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 4.000.000 đồng do bị đơn đã trả ngày 15/11/2018 và bị đơn cung cấp 01 phiếu thu tiền ngày 15/11/2018 thể hiện đã trả 4.000.000 đồng nợ gốc. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. **Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hình thức, nội dung và thẩm quyền ký kết của Hợp đồng tín dụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hợp đồng tín dụng số 5610LAV201302145/HĐTD giữa Ngân hàng Ngân hàng A và Bà Thị S ký kết ngày 22/8/2013 là hợp đồng hợp pháp, buộc các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng số 5610LAV 201302145/HĐTD, phía Ngân hàng A đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) cho bên vay Bà Thị S vào ngày 22/8/2013, thời hạn vay là 01 năm nhưng cho đến nay, đã quá thời hạn trả nợ Bà Thị S chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng A được số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh cho đến nay thì bà Sương chưa thanh toán. Như vậy, bà Sương đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi yêu cầu Bà Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu trả lãi vay: Đối với Hợp đồng tín dụng số 5610LAV 201302145/HĐTD ngày 22/8/2013, theo thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi trong hạn, tức bằng 17,25%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên các bên thỏa thuận việc trả lãi suất theo phương thức trả lãi 06 tháng 01 lần. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay Bà Thị S không trả lãi cho Ngân hàng khi đến hạn, mặc dù phía Ngân hàng đã nhắc nhở và tạo điều kiện nhiều lần. Điều này, chứng tỏ Bà Thị S đã vi phạm cam kết trả lãi quy định tại phụ lục Hợp đồng tín dụng nói trên. Như vậy, ngoài việc phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, Bà Thị S còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng, số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/11/2018) như sau: Số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng 5610LAV201302145/HĐTD ngày 22/8/2013 và phụ lục hợp đồng ngày 22/8/2013 tính từ ngày 23/8/2013 đến ngày 15/11/2018 là 40.000.000 đồng x 17,25% / năm x 1546 ngày = 29.631.667 đồng.

[2.4]. Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Sương xác định số tiền vay Ngân hàng được sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Khi vay tiền, chồng bà Sương là ông Điều Ng cũng biết vì cùng đi nhận tiền và cùng ký vào sổ vay vốn, mặt khác tại phiên tòa ông Điều

Ngưng đồng ý cùng Bà Thị S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, cần buộc Bà Thị S, ông Điều Ngphải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A.

[2.5].Nhu vậy, tổng số tiền Bà Thị S và ông Điều Ngphải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A là 65.631.667 đồng (trong đó, nợ gốc: 36.000.000đồng, nợ lãi là: 29.631.667 đồng)

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Bà Thị S, ông Điều Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Bà Thị S, ông Điều Ngphải chịu số tiền án phí theo mức án phí có giá ngạch là: 65.631.667 đồng x 5% = 3.281.583 đồng

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.692.395 đồng theo biên lai thu tiền số 0009575 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 217, 244, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 427; 689; 715 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc Bà Thị S, ông Điều Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền 65.631.667 đồng (Sáu mươi lăm triệu sáu trăm ba một ngàn sáu sáu bảy đồng), trong đó nợ gốc là 36.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/11/2018 là 29.631.667 đồng.

Bà Bà Thị S, ông Điều Ngphải tiếp tục trả cho Ngân hàng A số tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 17,25%/tháng, kể từ ngày 16/11/2018 cho đến khi Bà Thị S, ông Điều Ng trả hết nợ gốc (36.000.000 đồng) cho Ngân hàng.

Ngân hàng A phải trả lại cho Bà Thị S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 350335 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành cấp ngày 15/12/2016 cho bà Thị A.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị S, ông Điều Ngphải chịu số tiền án phí theo mức án phí có giá ngạch là: 3.281.583 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.692.395 đồng theo biên lai thu tiền số 0009575 ngày 10

tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà